

TÓM TẮT CHÍNH SÁCH

VỀ ĐÓNG GÓP CỦA PHỤ NỮ TRONG QUẢN LÝ RÁC THẢI & GIẢM NHẹ PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH



NỘI DUNG CHÍNH

TRANG

GIỚI THIỆU CHUNG	1
QUẢN LÝ RÁC THẢI VÀ BIÊN ĐỔI KHÍ HẬU	2
MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ GIỚI TRONG QUẢN LÝ RÁC THẢI	4
ĐÓNG GÓP CỦA PHỤ NỮ TRONG GIẢM NHẸ PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH - LĨNH VỰC QUẢN LÝ RÁC THẢI	8
KIẾN NGHỊ CHÍNH SÁCH	10

Tài liệu này do nhóm chuyên gia của Trung tâm Nghiên cứu Môi trường và Cộng đồng (CECR) gồm Lê Thị Thanh Huyền, Nguyễn Ngọc Lý, Nguyễn Sỹ Linh, Đoàn Vũ Thảo Ly soạn thảo với sự góp ý từ Trần Thị Thuý Anh – cán bộ chương trình của UN Women

Thời gian vừa qua Việt Nam đã ký nhiều ký cam kết quốc tế về bình đẳng giới (BDG), nâng cao vị thế cho phụ nữ cũng như cam kết chống lại biến đổi khí hậu (BĐKH).

Theo đó, Việt Nam được đánh giá là một trong những quốc gia tham gia tích cực triển khai các hành động thúc đẩy (BDG), chủ động ứng phó với BĐKH và giảm nhẹ phát thải khí nhà kính (KNK). Tuy nhiên, vấn đề giới chưa được lồng ghép một cách hệ thống và rõ ràng vào chính sách ứng phó với BĐKH. Đây là thách thức lớn đối với các ngành và địa phương trong việc đưa các định hướng chính sách ứng phó với BĐKH thành các hành động cụ thể có xem xét về tác động giới, lồng ghép vấn đề bình đẳng giới.

Quản lý rác thải là một trong 5 lĩnh vực có lượng phát thải KNK lớn và cần thực hiện các biện pháp giảm nhẹ nhằm đạt được mục tiêu đề ra trong đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC) của Việt Nam. So với các lĩnh vực phát thải khác, giảm nhẹ phát thải KNK trong quản lý chất thải có sự tham gia của nhiều lao động phi chính thức- đó là những người thực hiện phân loại rác thải sinh hoạt tại nguồn, những người tham gia thu gom, phân loại chất thải rắn, cơ sở tái chế,... đã góp phần cung cấp nguyên liệu đầu vào cho nhiều hoạt động sản xuất, giảm khai thác tài nguyên và giảm mức phát thải KNK.

Nguồn: nangluongsachvietnam.vn



Phần lớn lực lượng lao động tham gia trong chuỗi giá trị rác thải là phụ nữ. Vì vậy, hiểu biết thêm về vai trò của họ cũng như các thách thức, trở ngại mà họ đang phải đối mặt khi tham gia các hoạt động trong chuỗi giá trị rác thải là cần thiết. Báo cáo tóm tắt chính sách này ngoài việc cung cấp thông tin về mối liên hệ giới biến đổi khí hậu (BĐKH) và quản lý rác thải; vấn đề giới và các thách thức, trở ngại của phụ nữ trong chuỗi giá trị rác thải sẽ giới thiệu bộ công cụ tính toán đóng góp của phụ nữ trong giảm nhẹ phát thải khí nhà kính trong lĩnh vực quản lý chất thải còn giới thiệu về Bộ công cụ tính toán đóng góp của phụ nữ trong giảm nhẹ phát thải KNK đã được Trung tâm Nghiên cứu Môi trường và Cộng đồng (CECR) nghiên cứu, xây dựng với sự hỗ trợ tài chính của Cơ quan Liên hợp quốc về bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ (UN Women). Kết quả thu được từ việc áp dụng bộ công cụ được kỳ vọng sẽ góp phần cung cấp thông tin, số liệu cho các nhà hoạch định chính sách và chính quyền địa phương trong việc thúc đẩy việc lồng ghép giới trong lĩnh vực quản lý chất thải. Bên cạnh đó, công cụ cũng có thể sử dụng để đánh giá giá tiềm năng giảm nhẹ phát thải KNK từ các giải pháp quản lý rác thải khác nhau, nhằm thúc đẩy việc xây dựng và thực hiện chính sách quản lý rác thải tại các địa phương phù hợp và hiệu quả hơn.

& RÁC THẢI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

Rác thải là một trong 5 lĩnh vực phát thải KNK lớn ở Việt Nam. Theo Báo cáo cập nhật 2 năm 1 lần lần thứ 3 (BUR), năm 2016 tổng lượng phát thải KNK của Việt Nam từ lĩnh vực chất thải là 20,74 triệu tấn CO₂tđ, tăng 13,7% so với số liệu của năm 2014 (tương đương tăng 1,49 triệu chiếm 6,55 % tổng lượng phát thải KNK từ 4 lĩnh vực chính (1-Năng lượng, 2-Các quá trình công nghiệp, 3- Nông nghiệp, lâm nghiệp và sử dụng đất; 4- Chất thải). Trong Đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC) cập nhật năm 2020, Chính phủ Việt Nam cam kết bằng nguồn lực trong nước đến năm 2030 sẽ giảm 9% tổng lượng phát thải KNK so với kịch bản phát triển thông thường (BAU)- tương đương 83,9 triệu tấn CO₂tđ. Trong đó, giảm phát thải KNK từ lĩnh vực chất thải là 9,1 triệu tấn CO₂tđ, chiếm 1,0% so với tổng lượng phát thải KNK quốc gia. Nếu có thêm nguồn hỗ trợ quốc tế mức giảm phát thải KNK có thể đạt 27% so với BAU (tương đương 250,8 triệu tấn CO₂tđ). Theo đó, ước tính giảm phát thải KNK từ lĩnh vực chất thải là 33,2 triệu tấn CO₂tđ, chiếm 3,6% tổng lượng phát thải quốc gia¹. Lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh dự tính sẽ tăng lên đến 24.85 triệu tấn (kịch bản 1) hoặc 35,76 triệu tấn (kịch bản 2) vào năm 2030. Lượng rác tăng nhanh, vượt quá khả năng xử lý sẽ làm gia tăng đáng kể lượng phát thải KNK. Tổng lượng phát thải KNK từ rác sinh hoạt tăng tương ứng từ 2,28 triệu tấn CO₂tđ năm 2010 lên 3,45 triệu tấn CO₂tđ năm 2015 (tăng trung bình 8,8%/năm). Dự báo lượng phát thải KNK từ rác sinh hoạt sẽ tăng lên đến 6,89 triệu tấn CO₂tđ (kịch bản 1) hoặc 7,99 triệu tấn (kịch bản 2) vào năm 2030².

Theo báo cáo kỹ thuật xây dựng và cập nhật Đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC) năm 2020 do Bộ Tài nguyên và Môi trường chuẩn bị, lĩnh vực chất thải góp phần giảm nhẹ phát thải KNK thông qua một số giải pháp như: thu hồi khí từ bãi chôn lấp rác, ủ phân từ rác hữu cơ, tái chế, tái sử dụng và giảm thiểu rác, đốt rác để thu hồi nhiệt lượng. Tiềm năng giảm thiểu KNK của 3 nhóm giải pháp chính như sau³:

Giải pháp áp dụng	Tiềm năng giảm thiểu cho giai đoạn 2021 - 2030 (Triệu tấn CO ₂ tđ/năm)	Tiềm năng giảm thiểu năm 2030 (Triệu tấn CO ₂ tđ/năm)
1. Ủ rác từ phân hữu cơ	20.99	3.58
2. Thu hồi năng lượng từ bãi chôn lấp rác để phát điện và sưởi	2.10	0.33
3. Tái chế, tái sử dụng và giảm thiểu rác	1.26	0.25
Tổng số	24.35	4.16

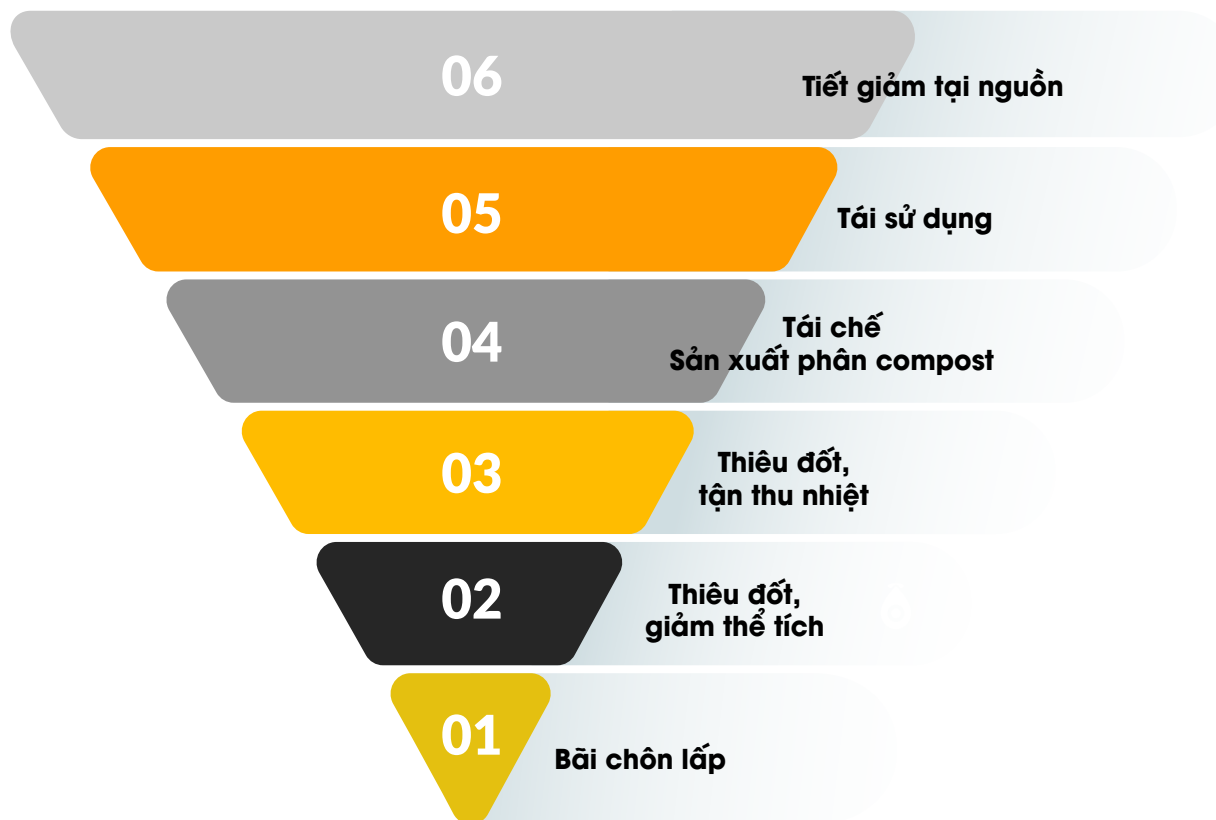
Nguồn: Báo cáo kỹ thuật NDC, Bộ TNMT 2020

¹ Đóng góp do quốc gia tự quyết định của Việt Nam (cập nhật năm 2020)

² Trần Kiều Anh, 2020. Tính toán phát thải khí nhà kính từ xử lý chất thải rắn, những thách thức và đóng góp của phụ nữ trong quản lý chất thải rắn. Bộ Xây dựng, tháng 10 2020

³ UNEP- UN Women, 2021. State of Gender Equality and Climate Change Assessment Report in Viet Nam

Hình 1. Mô phỏng mô hình giảm nhẹ phát thải KNK dựa trên tiếp cận tại nguồn



Trong các giải pháp quản lý rác thải, việc giảm thiểu rác thải và thu gom rác để tái chế mang lại nhiều lợi ích khác nhau (giảm chi phí và áp lực cho thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải, góp phần bảo vệ môi trường, giảm phát thải KNK, tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên,...).

Theo báo cáo hiện trạng môi trường năm 2019, hiện nay ở Việt Nam còn khoảng 71% rác thải sinh hoạt được thu gom thường xử lý bằng biện pháp chôn lấp, phần lớn trong điều kiện không hợp vệ sinh, nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao. Trong khi đó, tỷ lệ lượng rác thải được tái chế mới đạt 8-12%.

Giảm nhẹ phát thải KNK từ lĩnh vực chất thải được thực hiện hiệu quả thông qua quản lý tổng hợp chất thải rắn. Trong đó hiệu quả nhất là áp dụng biện pháp 3R (gồm Giảm thiểu phát sinh rác thải từ nguồn- Reduce, Tái sử dụng- Reuse và Tái chế rác thải- Recycle. Nhóm biện pháp này đóng góp đáng kể cho việc giảm lượng rác cần thu gom và chôn lấp, xử lý tại bãi rác và nhà máy xử lý rác, giảm áp lực đầu tư hạ tầng xử lý rác, giảm diện tích đất để xây dựng bãi chôn lấp cũng như đóng góp hiệu quả vào giảm thiểu ô nhiễm nguồn nước, ô nhiễm đất đất, ô nhiễm không khí (mùi) và góp phần giảm ô nhiễm rác thải nhựa trên đại dương, bảo vệ sinh thái biển và bảo tồn đa dạng sinh học.

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ

GIỚI

TRONG QUẢN LÝ RÁC THẢI



Nguồn: freepik.com

Các tài liệu nghiên cứu cho thấy phụ nữ là đối tượng dễ bị tổn thương do tác động của biến đổi khí hậu (BĐKH), đồng thời phụ nữ cũng đóng góp quan trọng trong việc giảm nhẹ phát thải KNK, tăng cường năng lực thích ứng với các tác động tiêu cực của BĐKH. Triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011-2020, Việt Nam đã đạt được những kết quả tích cực như: cải thiện nhận thức của cộng đồng và thúc đẩy hoàn thiện khung pháp luật về bình đẳng giới, lan tỏa các mô hình thúc đẩy bình đẳng giới. Ngày 03/3/2021, Chính phủ ban hành Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021 - 2030 (Nghị quyết số 28/NQ-CP) với mục tiêu tiếp tục thu hẹp khoảng cách giới, tạo điều kiện, cơ hội để phụ nữ và nam giới tham gia, thụ hưởng bình đẳng trong các lĩnh vực của đời sống xã hội, góp phần vào sự phát triển bền vững của đất nước.

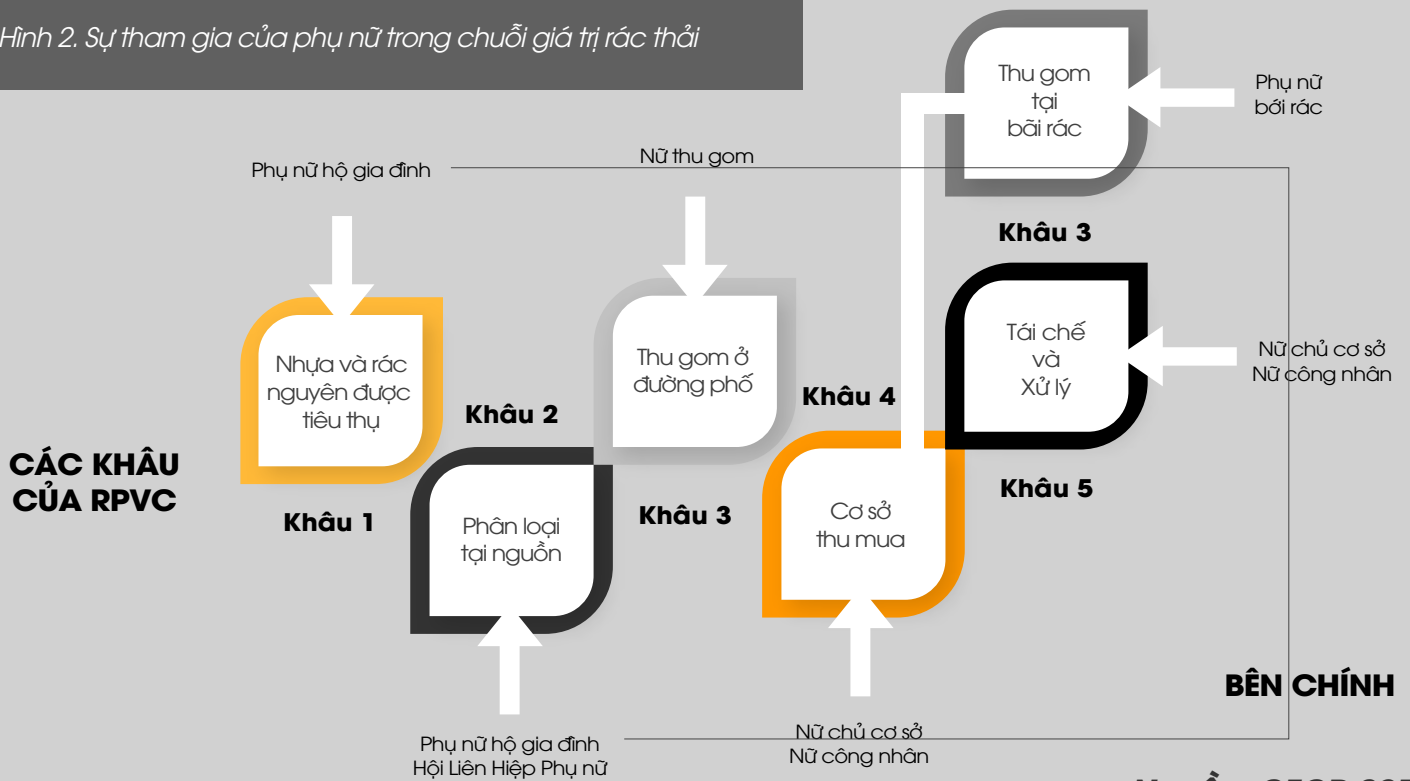
Tuy nhiên, vai trò và năng lực của phụ nữ chưa được nhìn nhận đầy đủ, tiếng nói và tầm ảnh hưởng của họ trong quá trình ra quyết định về ứng phó với BĐKH và giảm thiểu rủi ro thiên tai nhìn chung vẫn còn hạn chế. Điều này thể hiện rõ trong thực tiễn quản lý rác thải- một trong 5 lĩnh vực phát thải KNK chính ở Việt Nam. Hiện nay phụ nữ đang thực hiện nhiệm vụ tiên phong, quan trọng trong toàn bộ chuỗi rác thải, nhưng vai trò, đóng góp của họ chưa được ghi nhận một cách chính thức trong cuộc chiến chống lại BĐKH. Bên cạnh đó, vẫn còn nhiều rào cản, thách thức về giới chưa được đánh giá đầy đủ, đúng mức để có những giải pháp phù hợp nhằm thúc đẩy việc tham gia của phụ nữ trong xây dựng và thực hiện chính sách ứng phó với BĐKH nói chung, biện pháp giảm phát thải KNK trong lĩnh vực rác thải nói riêng. Kết quả rà soát các báo cáo nghiên cứu cũng như các văn bản chính sách cho thấy phụ nữ có vai trò quan trọng trong chuỗi giá trị chất thải (từ phân loại, thu gom, tái chế). Tuy nhiên vẫn còn những thách thức trở ngại trong việc ghi nhận vai trò, tầm quan trọng của phụ nữ để từ đó thúc đẩy lồng ghép giới nói chung, vai trò của phụ nữ nói riêng trong chính sách quản lý rác thải tại Việt Nam.



Phụ nữ đóng vai trò then chốt trong quản lý rác thải từ khâu tiêu dùng, phân loại, thu gom và tái chế, nhưng chưa được ghi nhận đóng góp một cách đầy đủ, hệ thống.

Báo cáo “Nâng cao vị thế của phụ nữ trong quản lý rác thải”⁴ cho thấy vai trò quan trọng của phụ nữ trong toàn bộ dòng di chuyển của rác thải nhựa, từ sản xuất - mua bán- tiêu dung-thải bỏ-thu gom, phân loại-tái chế và tái sử dụng. Trong đó, phụ nữ vừa là nhân tố chịu trách nhiệm chính trong các hoạt động tại gia đình có thể tạo ra rác thải vừa là nhóm tham gia tích cực vào quá trình tạo ra nền kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn thông qua việc phân loại, thu hồi rác thải và biến rác thải thành tài nguyên có giá trị. Phụ nữ tham gia vào chuỗi giá trị rác thải có thể được tóm tắt như Hình 2.

Hình 2. Sự tham gia của phụ nữ trong chuỗi giá trị rác thải



Ghi chú:

- * **Nữ bối rác:** Người làm việc không chính thức tại bãi rác.
- * **Nữ thu gom:** Người thu gom rác không chính thức trên đường phố, ngõ, hẻm.
- * **Cơ sở thu mua:** Cơ sở bán và mua rác tài nguyên và rác nhựa.

Phụ nữ ở Việt Nam thường giữ vai trò chính trong công việc nội trợ, là người đưa ra 85% quyết định về mua sắm trong gia đình. Họ cũng thường thiết lập, duy trì các nề nếp, thói quen sinh vệ sinh trong phạm vi không gian hộ gia đình, trên đường phố và tại cộng đồng. Kết quả phỏng vấn một số nhóm phụ nữ tại Đà Nẵng cho thấy 100% phụ nữ đảm nhiệm công việc nội trợ của gia đình và có trách nhiệm trong việc thu gom, thải bỏ rác thải. Số liệu khảo sát cho thấy có khoảng 90% người tham gia thực hiện các dự án, hoạt động phân loại rác tại nguồn là phụ nữ, trong khi đó nam giới lại thường tham gia các cuộc họp cộng đồng hơn.

Đối với hoạt động thu gom rác sinh hoạt do hệ thống các công ty hoặc hợp tác xã môi trường thực hiện thì số lao động nữ chiếm tỷ lệ từ 60-80%. Còn hoạt động thu mua, thu gom rác tái chế trên từ hộ gia đình, trên đường phố và ở bãi chôn lấp do nhóm lao động phi chính thức (nhóm ve chai, lượm rác) thực hiện thì có tới 90% là phụ nữ. Ví dụ, trong 300 người thu gom rác không chính thức làm việc thường xuyên tại bãi rác Khánh Sơn, thành phố Đà Nẵng có khoảng 270 người là nữ (chiếm 90%).

⁴ Analysis Report: Women Empowerment in Plastic Waste Management, CECR, tháng 3 2019



Phụ nữ cũng giữ vai trò đáng kể trong khâu tái chế rác. Khảo sát tại một số cơ sở thu mua, tái chế phế liệu ở Đà Nẵng cho thấy 50% chủ doanh nghiệp tái chế là nữ; lao động nữ cũng chiếm từ 85-90% số lượng lao động của các cơ sở này. Phụ nữ được thuê làm các công việc tỉ mỉ, cần nhiều thời gian như phân loại, sơ chế, rửa sạch và đóng gói phế liệu, còn nam giới thường làm công việc bốc dỡ, vận chuyển.

Bên cạnh đó, phần lớn các dự án, chương trình liên quan đến quản lý rác thải như 3R, phân loại rác tại nguồn, 5 không 3 sạch, hay giảm thiểu rác thải nhựa, đều do Hội phụ nữ các cấp khởi xướng và chỉ đạo thực hiện. Hội viên phụ nữ là những người lan tỏa, hướng dẫn việc thực hiện tại cộng đồng, trường học, cơ quan và gia đình. Với hơn 19 triệu hội viên trên cả nước, trong đó có 105.000 cán bộ hội từ trung ương đến cấp thôn, bản, Hội phụ nữ chính là tác nhân quan trọng cho việc nâng cao vị thế và năng lực của phụ nữ trong những nỗ lực giảm thiểu rác thải, đặc biệt là chất thải sinh hoạt.

Phụ nữ có vai trò khởi xướng, cam kết và tận tâm thực hiện ở các cấp, từ hội phụ nữ đến hộ gia đình trong các dự án phân loại, giảm thiểu rác thải tại nguồn, kết hợp với công việc của những người phụ nữ hoạt động trong khu vực không chính thức, đã góp phần đáng kể vào việc giảm thiểu mức tiêu thụ, tăng cường thu gom, phân loại rác thải sinh hoạt. Nhờ đó thu hồi được lượng lớn rác tài nguyên để tái chế, tái sử dụng, làm giảm đáng kể lượng rác và chi phí thu gom, xử lý rác thải, giảm áp lực cho các bãi chôn lấp, cơ sở xử lý rác và công tác bảo vệ môi trường.

Hộp 1

Vai trò của phụ nữ trong việc phân loại, thu gom và tái chế rác thải ở Đà Nẵng

Dự án “Vì một đại dương không nhựa”, do CECR phối hợp với Hội phụ nữ Đà Nẵng thực hiện tập trung vào việc giảm sử dụng túi nilon và phân loại rác tại nguồn. Kết quả thực hiện cho thấy mỗi tháng một hộ gia đình tại Đà Nẵng có thể thu gom từ 2-3 kg rác để tái chế và 17 kg rác hữu cơ để ủ phân bón. Với 600 hộ tham gia dự án, hàng tháng 1.600 kg rác đã được thu gom, phân loại cho mục đích tái chế, tái sử dụng (rác tài nguyên). Mỗi ngày, một người thu gom ve chai có thể thu bình quân khoảng 30 kg rác tài nguyên. Như vậy, với số lượng 300 người làm nghề ve chai trên địa bàn thành phố có thể thu gom, phân loại khoảng hơn 250 tấn rác tài nguyên/tháng..

Nguồn: CECR 2019

“

Lực lượng lao động nữ tham gia hoạt động chính thực hiện việc thu gom, phân loại và vận chuyển rác thải nhưng họ đối mặt với nhiều thách thức như phân biệt đối xử, điều kiện lao động độc hại, ít có cơ hội tiếp cận với bảo hiểm xã hội, nguồn thu nhập không ổn định; dù 50% chủ doanh nghiệp, cơ sở thu gom rác là nữ nhưng họ chưa được đào tạo, nâng cao năng lực quản trị, quản lý doanh nghiệp.



Nguồn: tuyengiao.vn

Phụ nữ tham gia thu gom, tái chế rác thải tự do được xem là những người tham gia thị trường lao động phi chính thức phải thường xuyên làm việc trong điều kiện nguy hiểm, có hại cho sức khỏe cũng như bị phân biệt đối xử.

Việc thu gom, phân loại rác thải của phụ nữ thường không được thừa nhận và bảo vệ bởi các quy định pháp luật. Cụ thể, họ không được tiếp cận với bảo hiểm y tế và bảo hiểm xã hội một cách chính thức do không có hợp đồng lao động, không có cơ quan/tổ chức đại diện và bảo trợ. Luật Lao động, Luật Bảo hiểm Xã hội và Bảo hiểm Y tế đều thiếu các quy định cụ thể đối với những lao động khu vực phi chính thức để có thể hưởng lợi từ các chính sách, quy định về an sinh xã hội thay vì phải mua bảo hiểm tự nguyện- một lựa chọn đôi khi vượt quá khả năng chi trả của họ.

Tuy đảm nhận hầu hết các công việc trong chuỗi giá trị rác thải, phụ nữ lại thường bị thiệt thòi/yếu thế hơn về thu nhập so với nam giới.

Vấn đề bình đẳng giới, vai trò và đóng góp của phụ nữ trong giảm thiểu, thu gom và tái chế rác thải chưa được ghi nhận đầy đủ hoặc không được thể hiện trong các văn bản pháp luật hiện hành. Ví dụ Luật Lao động hay Luật Bảo vệ môi trường 2014 - Chương 9 Quản lý Chất thải chưa đề cập đến vấn đề này.

Nguồn: www.quangninh.gov.vn

“

Các chính sách liên quan đến quản lý chất thải tuy có đề cập tới yếu tố giới, nhưng lại không có mục tiêu hoặc biện pháp đảm bảo bình đẳng giới cụ thể và công cụ đo lường đóng góp của phụ nữ trong giảm phát thải KNK.



Dù đã có một số chương trình dự án đề cập đến các chính sách khuyến khích phụ nữ hoặc đề xuất việc lồng ghép giới trong quá trình thực hiện, tuy nhiên việc thực thi trong lĩnh vực quản lý rác thải còn nhiều khoảng trống, cụ thể như (i) việc lồng ghép giới, mới chỉ đưa ra ở cấp độ nguyên tắc chung mà chưa được cụ thể hóa bằng các hoạt động và dòng ngân sách, nguồn lực triển khai cụ thể; (ii) Chưa có mục tiêu cụ thể để giám sát và đánh giá về việc lồng ghép giới; (iii) Thiếu hướng dẫn lồng ghép giới và cơ chế giám sát, đánh giá.

ĐÓNG GÓP

CỦA PHỤ NỮ

TRONG GIẢM NHẸ PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH - LĨNH VỰC QUẢN LÝ RÁC THẢI



Hiện nay ở Việt Nam chưa có một công cụ nào đo lường được những đóng góp của phụ nữ cho giảm nhẹ phát thải KNK trong lĩnh vực quản lý rác thải. Để có thể đưa ra những bằng chứng và số liệu cụ thể nhằm ghi nhận đóng góp của phụ nữ, làm căn cứ cho việc xây dựng chính sách, hành động cụ thể thực hiện chương trình ứng phó BĐKH (trong đó có giảm nhẹ phát thải KNK) dựa trên lăng kính bình đẳng giới. Việc lượng hóa này cũng sẽ giúp cung cấp thông tin đầu vào cho vận động chính sách, thúc đẩy quyền lợi chính đáng cho phụ nữ làm việc trong chuỗi giá trị rác thải. Vì vậy, Trung tâm Nghiên cứu Môi trường và Cộng đồng (CECR) với sự tài trợ của Cơ quan Liên hợp quốc về bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ (UN-Women) đã xây dựng Bộ công cụ Tính toán và lượng hóa đóng góp của phụ nữ trong giảm phát thải khí nhà kính, thông qua hoạt động phân loại rác tại nguồn.

Bộ công cụ được xây dựng dựa trên 2 tiêu chí chính: (i) Đơn giản, dễ sử dụng, phù hợp với điều kiện thực tế; (ii) Giúp lượng hóa được đóng góp của phụ nữ trong các dự án giảm thiểu và phân loại rác tại nguồn cho giảm phát thải KNK.

Bộ công cụ được xây dựng dựa trên các bước: (i) Khảo sát các dự án giảm thiểu, phân loại, thu gom và tái chế rác thải; (ii) Tham khảo các nguồn tài liệu trong nước và quốc tế để lựa chọn các hệ số phát thải KNK phù hợp; (iii) Xây dựng công thức tính và thiết kế giao diện công cụ, sử dụng Microsoft Excel; (iv) Thử nghiệm dựa trên số liệu của dự án thực tế; (v) Hiệu chỉnh và hoàn thiện.

Công cụ gồm 4 trang bảng tính chính để tính lượng giảm phát thải KNK trong khâu tiêu dùng, của hộ gia đình (số liệu tính toán thực tế), của hộ gia đình (hệ số phát thải) và của nhóm thu gom (ve chai). Chức năng của từng bảng tính được thể hiện tại Bảng 1.

BẢNG TÍNH

CHỨC NĂNG SỬ DỤNG

Bảng 1:
Cấu trúc bảng tính và mục đích sử dụng

1	Giảm phát thải KNK khâu tiêu dùng	- Tính lượng giảm phát thải KNK cho 1 nhóm người/hộ gia đình thực hiện giảm tiêu dùng 4 nhóm sản phẩm 1 lần (túi nilon, cốc uống nước, chai nước, ống hút) - Ước tính tiềm năng giảm thiểu KNK khi thực hiện dự án
2	Giảm phát thải KNK hộ gia đình - Số liệu thực tế	- Tính lượng giảm phát thải KNK và chi phí quản lý rác thải cho đơn vị, tổ chức thực hiện phân loại rác thải tại nguồn, có thu thập được số liệu phân loại thực tế
3	Giảm phát thải KNK hộ gia đình - Hệ số	- Tính lượng giảm phát thải KNK và giảm chi phí quản lý rác thải cho đơn vị, tổ chức phân loại rác thải tại nguồn, không thu thập được số liệu thực tế - Ước tính tiềm năng giảm thiểu khi thực hiện dự án
4	Giảm phát thải KNK - Nhóm ve chai	- Tính lượng giảm nhẹ phát thải KNK và giảm chi phí quản lý rác thải từ đóng góp của nhóm ve chai trên 1 địa bàn cụ thể

Bộ công cụ đơn giản này có thể sử dụng bởi các cơ quan, tổ chức thực hiện việc dự án/hoạt động phân loại rác thải tại nguồn; chính quyền địa phương, các nhà hoạch định chính sách, cơ quan nghiên cứu hoặc đơn vị lập dự án trong việc ước tính tiềm năng giảm phát thải KNK. Ví dụ, CECR đã chia sẻ và áp dụng bộ công cụ tại một số địa phương (Chi tiết tại Hộp 2). Thực tế triển khai cho thấy việc sử dụng bộ công cụ sẽ giúp:

- * Tính toán kết quả thực hiện, đo lường sự đóng góp của dự án hoặc các đơn vị thực hiện vào việc giảm phát thải KNK đối với lĩnh vực quản lý chất thải.
- * Cung cấp số liệu thực chứng, giúp đánh giá nhanh và ghi nhận một cách công bằng những đóng góp của phụ nữ vào giảm phát thải KNK từ hoạt động liên quan đến quản lý rác thải.
- * Đánh giá tiềm năng giảm nhẹ phát thải KNK của các dự án, chương trình giảm thiểu, phân loại rác thải.
- * Xác định các nhóm rác thải có tiềm năng giảm thiểu lớn, để xây dựng kế hoạch, lựa chọn ưu tiên khi đề xuất triển khai các biện pháp giải quyết vấn đề rác thải.
- * Cung cấp số liệu, thông tin đầu vào cho xây dựng chính sách, lập kế hoạch và cho hoạt động truyền thông, nâng cao nhận thức, liên quan đến vấn đề lồng ghép giới và phát huy vai trò của phụ nữ trong quản lý rác thải, ứng phó với BĐKH- đặc biệt là giảm nhẹ phát thải KNK.
- * Giúp tăng cường hệ thống giám sát, báo cáo ở cấp cơ sở.

Hộp 2

Thông tin về áp dụng bộ công cụ tại Hải Phòng

Trung tâm Nghiên cứu Môi trường và Cộng đồng (CECR, 2020) đã chia sẻ tài liệu “Hướng dẫn đo lường sự đóng góp của phụ nữ trong lĩnh vực quản lý rác thải” vào tháng 10 năm 2020. Bộ công cụ này đã Hội Phụ nữ áp dụng để đo lường đóng góp của phụ nữ trong quản lý rác thải tại hộ gia đình. Công cụ này cũng được chia sẻ tại nhiều hội thảo, hội nghị và đã nhận được nhiều phản hồi tích cực của các bên liên quan. Cụ thể công cụ được áp dụng để:

- Tính toán về giảm túi nilon tại chợ Tân Phong, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng vào tháng 11/2020. Kết quả cho thấy đã giảm được 493 túi nilon sử dụng tương đương giảm 15 kg CO₂tđ/ngày (Hội Phụ nữ Hải Phòng thực hiện).
- Công cụ được chia sẻ tại Hội thảo toàn cầu trong khuôn khổ dự án Empower
- Công cụ được chia sẻ và áp dụng tại chương trình tập huấn cho mạng lưới Phụ nữ tiên phong thích ứng với biến đổi khí hậu.

Nguồn: CECR 2019

Công cụ đo lường đóng góp của phụ nữ về giảm phát thải KNK thông qua các hoạt động quản lý rác thải đã được nghiên cứu xây dựng, kết quả áp dụng đã cung cấp một số bằng chứng ban đầu về đóng góp của phụ nữ nhưng chưa có nhiều tổ chức biết, việc áp dụng còn ở quy mô nhỏ, lẻ. Theo đó có thể thấy:

- Do công cụ được xây dựng và mới chỉ áp dụng ở quy mô nhỏ, do CECR triển khai áp dụng tại thành phố Đà Nẵng, Hải Phòng,... mà chưa có nhiều bên biết đến và áp dụng.
- Việc thiếu các số liệu ở các cấp, đặc biệt là ở địa phương về đóng góp của phụ nữ trong nỗ lực giảm nhẹ phát thải KNK một trong những nguyên nhân dẫn đến vấn đề giới chưa được đề cập cụ thể trong các văn bản chính sách về quản lý chất thải.
- Số liệu tính toán của một số dự án cho thấy tổng lượng KNK/năm có thể giảm bởi 1 hộ gia đình ở Việt Nam là 1 tấn CO₂tđ thông qua phân loại rác tại nguồn và ủ phân hữu cơ (Chi tiết thông tin xem tại Hộp 3). Vì vậy, việc áp dụng công cụ để đo lường đóng góp của phụ nữ trong nỗ lực giảm phát thải KNK trên phạm vi cả nước là cần thiết để từ đó xây dựng được hệ số phát thải hay tính toán được lượng phát thải KNK có thể giảm bởi các hộ gia đình.

Kết quả tính toán về đóng góp của phụ nữ trong giảm nhẹ phát thải KNK thông qua hoạt động quản lý rác thải tại Đà Nẵng

Hộp 3

Dựa trên bộ số liệu về giám sát và đánh giá (M&E) của dự án “Vì một đại dương không nhựa”, Bộ công cụ đã tính được những đóng góp cụ thể của dự án cho giảm thiểu KNK và giảm nhẹ BĐKH như:

- Thực hiện phân loại tại nguồn, thu gom được 1.610 kg rác tái chế trong 1 tháng, giúp giảm thiểu 9.649 kg CO₂tđ (với sự tham gia của 616 hộ, trung bình hàng tháng mỗi hộ giảm 15,67 kg CO₂tđ từ việc phân loại rác tại nguồn).
- Mỗi tháng trung bình một hộ gia đình có thể giảm phát thải tổng cộng 86,3kg CO₂tđ từ việc phân loại rác hữu cơ để ủ phân compost (73,34 kg CO₂tđ) và phân loại rác để tái chế (13kg CO₂tđ).
- Mỗi người thu gom ve chai có thể góp phần giảm 191 kg CO₂tđ/ngày hay 57 tấn CO₂tđ /năm từ việc thu gom và phân loại rác tái chế.

Nguồn: CECR 2019

1. Mở rộng phạm vi áp dụng công cụ để tính toán lượng rác thải, giảm thiểu từ các hoạt động thu gom phân loại tái chế rác thải thông qua các chương trình, dự án khác nhau để cung cấp thông tin, dữ liệu thực chứng cho công tác xây dựng và thực hiện chính sách về quản lý rác thải. Tiếp tục đẩy mạnh việc áp dụng bộ công cụ để thu thập thông tin, số liệu nhằm thiết lập các chỉ số giám sát và đánh giá mức độ đáp ứng giới, bình đẳng giới trong quản lý rác thải nói riêng, ứng phó với BĐKH nói chung. Để thực hiện điều này cần sự tham gia của cơ quan quản lý, chính quyền địa phương và các nhà tài trợ.

KIẾN NGHỊ CHÍNH SÁCH

Nguồn: cleanipedia.com



2. Các tổ chức, cơ quan thực hiện dự án tại cộng đồng phối hợp với các Bộ, ngành ghi nhận những đóng góp của phụ nữ trong giảm phát KNK thông qua các hoạt động liên quan đến quản lý chất thải. Theo đó, vai trò của phụ nữ trong thực hiện mục tiêu giảm nhẹ phát thải KNK trong NDC mà Việt Nam đã cam kết cần được ghi nhận, đánh giá để từ đó có những giải pháp thúc đẩy như phân bổ ngân sách hợp lý để triển khai các hoạt động về giảm thiểu, phân loại tại nguồn, thu gom, tái chế chất thải nhằm giảm lượng phát thải KNK.

3. Các cơ quan, tổ chức ưu tiên sử dụng số liệu thu được từ việc áp dụng bộ công cụ tính toán giảm phát thải KNK trong lĩnh vực chất thải để đề xuất chỉ số giới để lồng ghép vào quá trình xây dựng và triển khai các chương trình, dự án thực hiện NDC cập nhật. Đặc biệt lồng ghép quá trình thiết kế, triển khai và vận hành các mô hình phân loại rác thải tại nguồn, mô hình kinh tế tuần hoàn, phát triển đô thị xanh... trên cơ sở phát huy tiềm năng, thế mạnh của cả phụ nữ và nam giới.

4. Thừa nhận vai trò của phụ nữ tham gia thị trường lao động phi chính thức như thom gom, phân loại và tái chế rác thải, giúp họ tiếp cận các chính sách an sinh xã hội, an toàn lao động. Xây dựng lộ trình chuyển đổi nhóm công việc phi chính thức này thành lĩnh vực tái chế chính thức, theo các mô hình hoạt động phù hợp để đảm bảo quyền lợi cho người lao động, đặc biệt là lao động nữ. Hỗ trợ kỹ thuật, nâng cao năng lực quản lý cho các doanh nghiệp tái chế do phụ nữ làm chủ. Trong đó, chú trọng đến hoạt động tăng cường năng lực, thúc đẩy vai trò lãnh đạo, tiếng nói của phụ nữ trong các hoạt động của chuỗi rác thải- như một phần quan trọng của chương trình hành động ứng phó với BĐKH tại các địa phương, đặc biệt là các thành phố.

5. Ưu tiên sử dụng các số liệu cụ thể về đóng góp của phụ nữ đối với nỗ lực giảm nhẹ phát thải KNK trong lĩnh vực quản lý rác thải để chuyển tải thông điệp về vai trò của phụ nữ trong cuộc chiến chống lại BĐKH cũng như mối liên hệ giữa BĐKH và giới một cách hiệu quả đến các tầng lớp trong xã hội.

TÀI LIỆU THAM KHẢO



- (1). Chính phủ Việt Nam, 2020. Đóng góp do Quốc gia tự quyết định (NDC) cập của Việt Nam.
- (2). Bộ Tài nguyên và Môi trường, 2020. Báo cáo kỹ thuật xây dựng và cập nhật NDC của Việt Nam.
- (3). Bộ Tài nguyên và Môi trường, 2020. Báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia năm 2019-Chuyên đề quản lý chất thải rắn sinh hoạt.
- (4). Chính phủ Việt Nam, 2020. Kế hoạch quốc gia thích ứng với BĐKH giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050 (Quyết định số 1055/QĐ-TTg ngày 20 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt NAP).
- (5). Trần Kiều Anh, 2020. “Tính toán phát thải khí nhà kính từ xử lý chất thải rắn, những thách thức và đóng góp của phụ nữ trong quản lý chất thải rắn”. Bộ Xây dựng, tháng 10 2020.
- (6). Bản tin Mạng lưới phụ nữ tiên phong thích ứng BĐKH Việt Nam.
- (7). Các báo cáo và tham luận tại tọa đàm “Vai trò của Phụ nữ trong Quản lý rác thải và BĐKH”, Hà Nội tháng 10/2020.
- (8). CECR, 2019. Analysis Report Women Empowerment in Plastic Waste Management. Published in March 2019.
- (9). Công cụ tính toán sự đóng góp của phụ nữ cho giảm phát thải khí nhà kính trong lĩnh vực quản lý rác thải, CECR 2020.
- (10). UN Women, 2020. Gender, climate and security: Sustaining inclusive peace on the frontlines of climate change.
- (11). UNEP and UN Women, 2021. State of Gender Equality and Climate Change Assessment Report in Vietnam.

